TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **121**/2019/KDTM - PT
Ngày: 22/10/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà Ông Hoàng Minh Thành

Các Thẩm phán Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Lừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 70/2018/TLPT-KDTM ngày 12/7/2018 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 422/2018/QĐXX-PT ngày 12/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 432/2018/QĐ-PT ngày 17/10/2018 và Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 476/2019/TB-TA ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Lê Quốc N , sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn T , xã Th , huyện Đ , thành phố Hà Nội. Ông N có mặt lúc xét xử, vắng mặt lúc tuyên án.

Luật sư Nguyễn Đình D - Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội - Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Quốc N . Ông D có mặt.

* *Bị đơn:* **1.** Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng H

Trụ sở: phố T , phường M , quận N , thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thùy L; Chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H , sinh năm 1954

Địa chỉ: Trường PTTH P , xã B , huyện T , thành phố Hà Nội.

Ông H có mặt.

Luật sư Vũ Văn L - Công ty Luật TNHH H - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội - Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H . Ông L có mặt lúc xét xử, vắng mặt lúc tuyên án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Minh T ; Địa chỉ: Số 4 tổ 41 ngõ L , phường N, quận Đ , thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Hoàng Q , sinh năm 1965; Địa chỉ: P81 - B1 T , quận B , thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 4 tổ 41 ngõ L , phường N , quận Đ , thành phố Hà Nội.

4. Bà Nguyễn Thị Minh H , sinh năm 1958; Địa chỉ: đường T, phường C , thành phố S , tỉnh Sơn La.

5. Bà Giang Thị N (tức Giang Thị Thúy N), sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 17 tổ 18, đường 3 – 2, phường Q , thành phố S , tỉnh Sơn La (hiện trú tại: P8 nhà H4, tập thể T , ngõ 33/51 đường N, quận H, thành phố Hà Nội).

6. Ông Nguyễn Quyết T , sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 117 K, phường N , quận T , thành phố Hà Nội.

7. Bà Nguyễn Thị D ; Địa chỉ: thôn M , xã Đ , huyện T, thành phố Hà Nội.

(Bà T, ông Q, ông A, bà H, bà N, ông T và bà D đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H). Ông H có mặt.

8. Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1942; Địa chỉ: số 19A ngách 4/14 P, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

9. Bà Lê Hồng L; Địa chỉ: số 19 N, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

10. Ông Trương Huy S, sinh năm 1945; Địa chỉ: Số 19 ngõ 109 Q, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Anh C, sinh năm 1958; Địa chỉ: số 142B N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

12. Ông Nguyễn Đức T; Địa chỉ: Số 5 C, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

13. Bà Nguyễn Kim P; Địa chỉ: số 217 H, quận H, thành phố Hà Nội.

(Ông T, bà P đều ủy quyền cho ông Nguyễn Anh C, ông C có văn bản xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2008 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Lê Quốc N trình bày*:**

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng H (sau đây gọi tắt là Công ty H) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và

đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30.12.2004. Do ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty là đại diện theo pháp luật. Công ty gồm 19 cổ đông với tổng số vốn điều lệ 6.500.000.000 đồng tương đương với 650.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần.

Ngày 12/02/2007, ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty (Bên A) đã ký hợp đồng nguyên tắc số 03/HĐNT ngày 14/02/2007 với bên B là các ông Lê Quốc N, ông Nguyễn Đình Trường S và Trần Xuân L với nội dung: "Tập thể các cổ đông có cổ phiếu trong công ty H đồng ý chuyển nhượng 100% cổ phần, chiếm 100% tổng số vốn điều lệ của công ty cho bên B với tổng giá trị thanh toán là 13.300.000.000 đồng". Theo thỏa thuận trên nên đến ngày 02/03/2007, ông đã chuyển tổng số 4.000.000.000 đồng vào tài khoản của công ty H để thực hiện việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty.

Ngày 05/03/2007, Công ty H gồm ông Nguyễn Văn H - chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty cùng bà Trương Mai H – kế toán trưởng, bà Nguyễn Thị D – Trưởng ban kiểm soát đã thực hiện việc ký hợp đồng mua bán cổ phiếu với ông. Các cổ đông bán cổ phiếu gồm: bà Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Hoàng Q, ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Thị Minh H, bà Giang Thị N, ông Nguyễn Quyết T, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Quốc K, ông Trương Huy S và bà Lê Hồng L. Tổng số cổ phiếu của 10 cổ đông chuyển nhượng cho ông là 216.437,2 cổ phiếu. Trong Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần nói trên ghi rõ: Bản hợp đồng này có kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (không ghi rõ ngày nào).

Ngày 06/03/2007, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty H ra quyết định số 03/QĐ-CTHĐQT với nội dung: "Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H công nhận ông Lê Quốc N trở thành cổ đông chính thức kể từ ngày 05/03/2007 với số cổ phiếu là 216.437,2 cổ phiếu".

Do ông S và ông L không chuyển tiền cho công ty H nên ngày 19/03/2007, ông Nguyễn Văn H và bà Trương Mai H là kế toán công ty ký tiếp Phụ lục hợp đồng số 01/HĐNT-PL01 với ông và ông Nguyễn Đình Trường S , ông Trần Xuân L . Theo Phụ lục hợp đồng, các bên xác nhận tính đến thời điểm ngày lập Phụ lục thì số cổ phiếu của ông là 216.437,2 cổ phiếu, số cổ phiếu của ông Nguyễn Đình Trường S là 0,0 cổ phiếu, số cổ phiếu của ông Trần Xuân L là 0,0 cổ phiếu.

Ngày 02/04/2007, các bên lập biên bản thanh lý Hợp đồng "Chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng nguyên tắc số 03/HĐNT ngày 12/02/2007 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ký ngày 19/03/2007" vì: "Bên B thực hiện không đúng Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng đã ký, do đó các cổ đông Công ty H ngừng việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu còn lại đối với bên B". Tại biên bản thanh lý hợp đồng này xác nhận: Ông Lê Quốc N đã thực hiện hợp đồng mua số cổ phần của 10 cổ đông để trở thành cổ đông của Công ty.

Kể từ ngày 06/03/2007, ông đã tham gia hoạt động cùng Công ty H , cùng thảo luận, bàn bạc phương án hoạt động kinh doanh của công ty như một thành viên công ty.

Ngày 06/11/2007, Công ty đã tổ chức họp toàn thể các cổ đông và thông báo nội dung đăng ký thay đổi, Ông H đã yêu cầu ông nộp lại 10 Hợp đồng để công ty lập lại 10 hợp đồng mới và tiến hành đăng ký thay đổi, bổ sung tên ông vào trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và danh sách cổ đông sáng lập của công ty. Tuy nhiên, ông H đã không hoàn tất thủ tục pháp lý việc chuyển nhượng cổ phần mà ngày

20/12/2007 Ông H đại diện Công ty H đã làm thủ tục chuyển nhượng 100% vốn cổ phần cho ông Nguyễn Anh C , ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P trong đó có cổ phần của 10 cổ đông đã chuyển nhượng cho ông.

Ngày 20/12/2008, ông (Lê Quốc N) có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn H và Công ty Hà S về việc yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Văn H và Công ty H phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần cho ông; đăng ký với Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội, công nhận ông là thành viên chính thức của công ty H , được sở hữu hợp pháp 216.437,2 cổ phiếu tương đương 29,083% cổ phần vốn trong Công ty;

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng 100% cổ phần của Công ty H với các ông Nguyễn Anh C , ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P .

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng H trình bày:***

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H từ khi thành lập cho đến nay, theo danh sách cổ đông sáng lập đăng ký tại Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội không có tên ông Lê Quốc N . Việc chuyển nhượng 100% cổ phần của các cổ đông sáng lập cho ông C , bà P và ông T vào cuối năm 2007 là đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể: được Đại hội cổ đông chấp thuận, tất cả các cổ đông sáng lập nhất trí, có biên bản lấy chữ ký toàn thể cổ đông, có hợp đồng mua bán cổ phần, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi các cổ đông mới do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08/01/2008. Việc Công ty H trước đây có thu tiền chuyển nhượng cổ phần của ông Lê Quốc N xảy ra trước ngày 31.12.2007 thì trách nhiệm thuộc về giám đốc và Hội đồng quản trị công ty khóa 2007 về trước, theo như Biên bản họp giữa Hội đồng quản trị - Ban giám đốc khóa 2004-2007 với Hội đồng quản trị - Ban giám đốc khóa 2008 ngày 01/01/2008.

Việc ông Lê Quốc N khởi kiện Công ty H (cũ) và ông Nguyễn Văn H không liên quan đến Công ty H hiện nay. Đề nghị ông N giải quyết với Hội đồng quản trị Công ty H khóa trước và với ông Nguyễn Văn H.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Xác nhận về quá trình thành lập và hoạt động của công ty H như nguyên đơn khai, xác nhận tại biên bản họp Đại hội cổ đông công ty H ngày 25/04/2006 có đề cập việc chuyển nhượng cổ phần cho người ngoài công ty, thừa nhận Hợp đồng nguyên tắc số 03 ngày 12/02/2007 giữa công ty H do ông đại diện ký với ông N, ông L , ông S để chuyển nhượng 100% cổ phần của công ty nhưng chỉ có một mình ông N chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng vào tài khoản công ty H.

Ngày 05/03/2007, đại diện Công ty H bao gồm ông với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty cùng bà Trương Mai H - kế toán trưởng, bà Nguyễn Thị D - Trưởng ban kiểm soát đã thực hiện việc ký hợp đồng mua bán cổ phiếu (của 10 cổ đông của Công ty) với ông Lê Quốc N, tổng số cổ phiếu của 10 cổ đông chuyển nhượng cho ông N là 216.437,2 cổ phiếu. Sau khi ký xong 10 hợp đồng nói trên, Công ty đã tiến hành đăng ký lại với Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội thì không đăng ký được vì các cổ đông chuyển nhượng cổ phần không đúng luật Doanh nghiệp năm 2005 (chưa đủ 3 năm kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, không có nghị quyết đại hội cổ đông về việc chuyển nhượng cổ phần). Riêng ông

Trần Xuân L và ông Nguyễn Đình Trường S không chuyển tiền vào tài khoản công ty nên hai bên đã thanh lý hợp đồng ngày 19/03/2007.

Trong quá trình tham gia hoạt động cùng công ty, ông N đã nhiều lần đề nghị Hội đồng quản trị Công ty bán số cổ phần của ông N với nhiều mức giá khác nhau. Thực hiện yêu cầu của ông N, Công ty đã tìm đối tác đầu tư và ngày 27/10/2007, Công ty đã ký kết hợp đồng số 18/HĐMB với Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H để bán toàn bộ số cổ phần của ông N với giá 7.000.000.000 đồng cho công ty H nhưng giao dịch không thành vì ông N không nhận tiền và bội ước việc ủy quyền của mình. Ngày 20/12/2007, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 100% cổ phần của Công ty cho 03 người khác, được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội xác nhận và thay đổi đăng ký kinh doanh cho Công ty H với 03 cổ đông mới là ông Nguyễn Anh C , ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P . Vì vậy, ông không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông N . Tuy nhiên, ông tự nhận có trách nhiệm với số tiền ông N chuyển vào Công ty H để mua cổ phần của 10 cổ đông. Hiện nay ông vẫn đang giữ số tiền này, một mình ông có trách nhiệm trả số tiền này cho ông N mà không liên quan tới công ty H và các cổ đông đã chuyển nhượng cổ phần cho ông N . Như ông đã thỏa thuận với các cổ đông của Công ty H và ông C người đại diện 03 thể nhân nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty H . Trong số 4 tỷ đồng mà ông Nđã chuyển cho Công ty H thì ông N đã được nhận lại 72.000.000 đồng, số tiền còn lại, bản thân ông sẽ thanh toán trả ông N.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Minh T , ông Nguyễn Hoàng Q , ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Thị Minh H , bà Giang Thị N , ông Nguyễn Quyết T, bà Nguyễn Thị D do ông Nguyễn Văn H - Đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bà T, ông Q, ông A, bà H, bà N, ông T, bà D là cổ đông sáng lập của Công ty H. Ngày 05/03/2007, các ông bà có tên trên lần lượt ký Hợp đồng mua bán cổ phần, cổ phiếu cho người mua là ông Lê Quốc N.

Về việc chuyển nhượng này, các cổ đông có ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty H đứng ra giao dịch, sau đó ông H đưa bản hợp đồng cho các cổ đông ký chuyển nhượng cho ông N và nhận tiền chuyển nhượng từ Công ty chứ không trực tiếp giao dịch với ông N.

Trước khi bán cổ phần cho ông N, các cổ đông không đăng ký việc mua bán tại trụ sở Công ty, không có Nghị quyết của Đại hội cổ đông về việc chuyển nhượng cổ phần cho người ngoài Công ty. Ông N biết việc bán cổ phần của các cổ đông sáng lập là chưa đủ điều kiện về mặt thời gian theo luật Doanh nghiệp nhưng ông N vẫn mua và còn muốn mua hết số cổ phần còn lại của Công ty H. Vì việc chuyển nhượng cổ phần cổ phiếu không đủ điều kiện nên không thay đổi được đăng ký kinh doanh sang tên ông N, Công ty H đã thu hồi lại 10 Hợp đồng chuyển nhượng đó. Đến khi đủ điều kiện thì các ông, bà không đồng ý ký lại hợp đồng bán cổ phần cho ông N. Nay, ông N khởi kiện đề nghị công nhận các hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần đã ký trước đây là hợp pháp thì các cổ đông không đồng ý.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Quốc K, ông Trương Huy S và bà Lê Hồng L trình bày:***

Các ông, bà xác nhận có ký hợp đồng mua bán cổ phần, cổ phiếu cho ông N vào ngày 05/03/2007 nhưng không nhận tiền bán cổ phần từ ông N. Riêng ông K, bà L không được biết về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 25/04/2006. Sau này, ông

bà được ông H thông báo và yêu cầu ký vào biên bản đó. Ông S thì không biết việc ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu cho ông N có được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông hay không. Trước khi ký hợp đồng, ông S có tham gia cuộc họp ngày 25/04/2006 nhưng nội dung cuộc họp không bàn đến vấn đề chuyển nhượng 100% cổ phần của các cổ đông sáng lập cho người ngoài công ty, cũng không có nội dung bán cổ phần, cổ phiếu cho ông N. Việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty H sau này diễn ra như thế nào các ông, bà đều không nắm được và xác định nay không còn là cổ đông sáng lập của Công ty H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết, các ông, bà không có ý kiến gì. Các ông, bà xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh C, ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P do ông Nguyễn Anh C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*** Ngày 20-12-2007, ông Nguyễn Anh C, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Kim P và công ty H đã ký Hợp đồng mua bán 100% cổ phần của 15 cổ đông trong Công ty H với nội dung: Công ty H nhất trí bán 100% cổ phần của 15 cổ đông trong Công ty H cho các ông, bà với giá 40.000.000.000 đồng. Việc mua bán này hai bên đã làm đúng theo quy định của pháp luật, được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng, tất cả các cổ đông đều nhất trí ký vào biên bản. Sau khi chuyển nhượng, hai bên đã làm lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi cổ đông mới ở Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội. Việc chuyển nhượng này là hoàn toàn hợp pháp. Nay ông N đề nghị hủy hợp đồng này là không có cơ sở vì ông N không phải là cổ đông của Công ty H.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 163/2010/KDTM-ST ngày 16-12-2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc N đối với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H và ông Nguyễn Văn H do 10 Hợp đồng mua bán cổ phần, cổ phiếu được ký ngày 05-3-2007 giữa 10 cổ đông sáng lập Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H và ông Lê Quốc N là vô hiệu

- Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán trả cho ông Lê Quốc N những khoản tiền sau:

+ Khoản tiền mà ông N mua cổ phần của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H: 3.928.000.000 đồng.

+ Khoản tiền bồi thường thiệt hại: 901.692.429 đồng.

Tổng cộng: 4.829.692.429 đồng.

- Về yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán số 17 ngày 20-12-2007 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H và ông Nguyễn Anh C, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Kim P: Tòa án không xem xét.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23-12-2010, ông Lê Quốc N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 11/2012/KDTM-PT ngày 08/2/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu giữa ông Lê Quốc N với 10 cổ đông của công ty H vô hiệu là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận

kháng cáo của ông N về việc công nhận là cổ đông sáng lập, thành viên chính thức của Công ty H. Về lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu: Ông H là người có lỗi và phải chịu trách nhiệm toàn bộ về hợp đồng vô hiệu và thiệt hại do hợp đồng vô hiệu. Về thiệt hại do hợp đồng vô hiệu: Giá trị cổ phiếu cổ phần của công ty H có nhiều thay đổi theo chiều hướng tăng nên Tòa án cấp sơ thẩm tính thiệt hại bằng lãi suất ngân hàng là không phù hợp và không đảm bảo quyền lợi của đương sự đã bỏ tiền ra mua cổ phần. Ngoài ra, tại bản án sơ thẩm có đề cập tới yêu cầu thứ hai của nguyên đơn là yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng 100% cổ phần của công ty H cho ông Nguyễn Anh C, ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P. Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định đánh giá và căn cứ vào quy định của Luật doanh nghiệp, không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng này của nguyên đơn là đúng nhưng trong quyết định lại tuyên "Tòa án không xem xét" là không đúng pháp luật và không xử lý một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Từ nhận định trên, HĐXX phúc thẩm quyết định: Hủy bản án sơ thẩm số 163/2010/KDTM-ST ngày 16/12/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm (nay là Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm) để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm*:*

**** Nguyên đơn, ông Lê Quốc N*** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên và đề nghị Tòa án xem xét nếu xác định 10 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu là vô hiệu thì buộc ông Nguyễn Văn H và công ty H phải bồi thường cho ông số tiền 11.632.000.000 đồng là số tiền tương ứng với phần trăm cổ phần của ông trong công ty (mà ông H đã bán theo hợp đồng số 17 ngày 20/12/2007 cho 3 thể nhân với mức giá 40 tỷ đồng). Trong tổng số tiền nêu trên có 3.928.000.000 đồng tiền gốc ông đã nộp vào công ty để mua cổ phần và 7.704.000.000 đồng là khoản tiền thiệt hại mà Công ty H và ông H gây ra do có lỗi khiến hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra, ông yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định của ngân hàng Nhà nước tính từ tháng 12/2007 cho đến ngày xét xử vụ án đối với số tiền 11.632.000.000 đồng.

**** Bị đơn - ông Nguyễn Văn H (ông H cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người liên quan là bà Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Hoàng Q, ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Thị Minh H, bà Giang Thị N, ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị D)*** đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc N với lý do sau:

- 10 hợp đồng mua cổ phần của ông N là không hợp pháp

- Khi đủ 3 năm theo quy định của pháp luật, ông đã làm lại hợp đồng để làm thủ tục cho ông N trở thành cổ đông của công ty thì chính ông N lại đề xuất bán và giới thiệu người đến mua 100% cổ phần của công ty.

- Việc ông N ủy quyền cho HĐQT bán cổ phần sau đó lại bội ước việc ủy quyền dẫn đến bị phạt hợp đồng thì ông N phải chịu số tiền phạt là đúng.

- Ông đã thực hiện đúng trách nhiệm khi làm giám đốc công ty và chỉ là người giữ hộ tiền để giao lại cho ông N vì đã yêu cầu ông N đến nhận lại tiền nhưng ông N không đến. Ngày 12/1/2008, ông N đề xuất thanh toán tiền bán cổ phần là 12 tỷ đồng,

ngày 20/3/2008, ông N đề xuất thanh toán còn 8.286.044.000 đồng và yêu cầu được nhận 500 triệu tiền thưởng (do giới thiệu người mua cổ phần) nhưng sau đó lại không đồng ý nhận tiền và khởi kiện.

Hiện nay, số cổ đông cũ đã không làm việc ở công ty H nữa, ông chỉ là người có trách nhiệm giữ giao trả phần tiền bán cổ phần cho ông N đúng với quyền lợi ông N được hưởng và nghĩa vụ phải thực hiện.

Việc khởi kiện của ông N làm ảnh hưởng rất nhiều đến danh dự, uy tín của ông, đến nay ông chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền 3.928.000.000 đồng là số tiền gốc ông N đã bỏ ra để mua cổ phiếu. Ngoài ra, ông không đồng ý thanh toán khoản tiền nào khác.

Tiếp theo, ông H thay đổi ý kiến, ông trình bày: việc khởi kiện của ông N đã buộc ông phải xem xét lại sổ sách và tính số tiền cùaa ông N được hưởng đúng là: 4.825.000.000 đồng, trừ đi khoản tiền bội ước hợp đồng bị phạt là 2.600.000.000 đồng, số tiền ông N còn được nhận là: 2.225.000.000 đồng.

**** Bị đơn, công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H*** do người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên quan điểm như đã khai trước đây.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc K, ông Trương Huy S và bà Lê Hồng L*** vẫn giữ nguyên lời khai trước đây và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, tại phiên hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh C (ông C cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người liên quan là ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P)*** đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng vắng mặt.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02-01-2018 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã xử:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 30, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm b khoản 1 Điều 122; Điều 128; khoản 2 Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 5 Điều 84; Điều 96; Điều 103; Điều 104 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL - UBTVQH 12 ngày 27/02/2009:

Xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc N đối với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H và ông Nguyễn Văn H do 10 Hợp đồng mua bán cổ phần, cổ phiếu được ký ngày 05-3-2007 giữa 10 cổ đông sáng lập Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H và ông Lê Quốc N là vô hiệu.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán trả cho ông Lê Quốc N số tiền giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là: 15.487.683.600 đồng.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo các bên.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm nêu trên, ngày 04/1/2018 của ông Lê Quốc N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

- Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp 2005 là cứng nhắc, áp đặt máy móc và làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông (N) trong Công ty H;

- Toà án sơ thẩm đã căn cứ vào biên bản ngày 20/3/2008 để xác định giá trị cổ phần của ông N trong Công ty H là không thoả đáng do giá trị số tiền chuyển nhượng cổ phần của ông N đã được Công ty H xác nhận bằng văn bản là 216.437 tương đương 29% giá trị tài sản trong đăng ký kinh doanh của Công ty. Do vậy, không có căn cứ nào để xác định giá trị cổ phần của ông N trong Công ty H là 8.204.044.000 đồng, mà phải tương đương 29% của 40 tỷ đồng = 11.600.000.000 đồng;

Ngày 22/01/2018 ông Nguyễn Văn H kháng cáo đối với một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02-01-2018 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với lý do: Bản án sơ thẩm là chưa khách quan, không đúng bản chất vụ việc, xâm hại đến uy tín, danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Gồm các yêu cầu sau:

- Xác định số cổ phần để chia giá trị là 897.000 cổ phần và ông N cũng có lỗi khi mua cổ phần của Công ty khi chưa đủ điều kiện (và không mua theo đúng thoả thuận) do sơ suất nên khi chia tiền cho các cổ đông chưa trừ đi 12 tỷ chuyển trả Công ty H.

- Ông N đồng ý để Công ty H đồng ý bán số cổ phần ông đã mua của 10 cổ đông ngày 05/3/2007 cho Công ty H sau lại từ chối không bán nên bị phạt 2,6 tỷ đồng.

- Không đồng ý chịu lãi suất chậm trả cho ông N vì Luật sư D đại diện cho ông N yêu cầu chuyển trả 8,2 tỷ chứ không phải 5,6 tỷ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ gì mới.

Ông Lê Quốc N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác kháng cáo của ông H.

Luật sư Nguyễn Đình D - Văn phòng luật sư Bắc Kỳ - Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác kháng cáo của ông H.

Ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư Vũ Văn L - Công ty Luật TNHH H - Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H nhất trí với ý kiến của ông H và đề nghị HĐXX bác kháng cáo của ông N và đã đề nghị nếu trong trường hợp kháng cáo của ông H không được chấp nhận thì ông H có lời khai về số tiền 18 tỷ chuyển trả Công ty H và số tiền mà Công ty H bị phạt 2,6 tỷ cần được làm rõ vì đây là yêu cầu phản tố mà không được xem xét.

Ông Nguyễn Anh C không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng với Công ty H và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích vụ án đã có kết luận:

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông Lê Quốc N và ông Nguyễn Văn H là trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng.

Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 5/3/2007 là vô hiệu. Lỗi của hợp đồng vô hiệu thuộc về ông H toàn bộ nên bác toàn bộ kháng cáo của ông N. Đối với kháng cáo của ông H chỉ chấp nhận xem lại phần lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự xuất trình và toà án thu thập được; Căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên toà; hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Lê Quốc N và ông Nguyễn Văn H làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa ông Lê Quốc N và Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H, ông Nguyễn Văn H phát sinh từ hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần. Toà án sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là hoàn toàn phù hợp.

Về thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng H có trụ sở tại phố T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng H vắng mặt lần thứ 2; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Quốc K, ông Trương Huy S, bà Lê Hồng L, ông Nguyễn Anh C và ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Kim P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt và họ không có kháng cáo. Căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét các yêu cầu kháng cáo của thì thấy rằng:

Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H được thành lập và hoạt động theo đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006406 ngày 30 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở quyết định số 4894/QĐ-UB ngày 22 tháng 12 năm 2004 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc chuyển đổi (CPH) từ chi nhánh Công ty xây dựng Dịch vụ Hoa Ban tại Hà Nội do ông Nguyễn Văn H , chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật. Cổ đông sáng lập gồm có ông Nguyễn Văn H , bà Nguyễn Minh T , bà Trương Mai H cùng 16 cổ đông khác. Tổng số vốn điều lệ là 6.500.000.000 đồng (trong đó: người lao động trong doanh nghiệp chiếm 33%; ngoài doanh nghiệp chiếm 64% và phát hành cổ phiếu 3%); mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Ngày 12 tháng 2 năm 2007, Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H và các ông Lê Quốc N , ông Nguyễn Đình Trường S , ông Trần Xuân L ký kết hợp đồng nguyên tắc số 03/HĐNT về việc mua bán toàn bộ cổ phiếu, cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H với nội dung: "Tập thể các cổ đông có cổ phiếu trong Công ty H đồng ý chuyển nhượng 100% cổ phần, chiếm 100% tổng số vốn điều lệ của Công ty cho bên B với tổng giá trị thanh toán là 13.300.000.000 đồng".

Các cổ đông sáng lập với tỷ lệ sở hữu cổ phần trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc nêu trên đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cụ thể:

+ Ông Nguyễn Văn H , sở hữu 14.400 cổ phần;

+ Bà Nguyễn Minh T , sở hữu 38.977,2 cổ phần; ngày 05/3/2007 bà Nguyễn Minh T đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 02/HĐMB-CP;

+ Ông Trương Huy S , sở hữu 20.000 cổ phần; ngày 05/3/2007 ông Trương Huy S đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 03/HĐMB-CP;

+ Ông Nguyễn Quyết T , sở hữu 15.000 cổ phần; ngày 05/3/2007 ông Nguyễn Quyết T đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 04/HĐMB-CP;

+ Bà Nguyễn Thị Minh H , sở hữu 47.900 cổ phần; ngày 05/3/2007 bà Nguyễn Thị Minh H đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 05/HĐMB-CP;

+ Ông Nguyễn Hoàng Quân, sở hữu 1.500 cổ phần; ngày 05/3/2007 ông Nguyễn Hoàng Quân đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 07/HĐMB-CP;

+ Bà Nguyễn Thị D , sở hữu 20.000 cổ phần; ngày 05/3/2007 bà Nguyễn Thị D đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 08/HĐMB-CP;

+ Ông Nguyễn Quốc K , sở hữu 30.000 cổ phần; ngày 05/3/2007 ông Nguyễn Quốc K đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 09/HĐMB-CP;

+ Ông Nguyễn Hoàng A, sở hữu 10.000 cổ phần; ngày 05/3/2007 ông Nguyễn Hoàng A đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 10/HĐMB-CP;

+ Bà Lê Hồng L , sở hữu 18.060 cổ phần; ngày 05/3/2007 bà Lê Hồng L đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 13/HĐMB-CP;

+ Bà Giang Thị Thuý N , sở hữu 15.000 cổ phần; ngày 05/3/2007 bà Giang Thị Thuý N đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ này cho ông Lê Quốc N theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần số 11/HĐMB-CP;

Tổng số cổ phần các cổ đông chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng nêu trên cho ông Lê Quốc N là 216.437,2 cổ phần.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Đến ngày 2/3/2007, ông Lê Quốc N đã chuyển tổng số tiền 4.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty H . Còn các ông Nguyễn Đình Trường S , ông Trần Xuân L không nộp tiền theo hợp đồng nguyên tắc này.

Ngày 19/3/2007, Công ty H do ông Nguyễn Văn H và bà Trương Mai H - Kế toán Công ty ký phụ lục hợp đồng số 01/HĐNT-PT01 với ông Nguyễn Đình Trường S và ông Trần Xuân L , theo đó xác nhận số cổ phiếu của ông N là 216.437,2 cổ phần; ông Nguyễn Đình Trường S và ông Trần Xuân L là 0 cổ phiếu.

Ngày 2/4/2007 giữa các bên lập Biên bản thanh lý hợp đồng "Chấm dứt việc thực hiện hợp đồng nguyên tắc số 03/HĐNT ngày 12/2/2007 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 19/3/2007".

Căn cứ khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp 2005 quy định: " 5. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ".

Ngày 25 tháng 4 năm 2006, Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H tiến hành họp đã ghi ý kiến của các cổ đông và kết luận của hội đồng quản trị Công ty. Tuy nhiên biên bản có tên là biên bản họp ĐHĐCĐ nhưng không có tài liệu và nghị quyết liên quan thể hiện đây là phiên họp ĐHĐCĐ được tiến hành theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Do đó đây không được coi là tài liệu ĐHĐCĐ chấp thuận việc cho phép cổ đông sáng lập tự do chuyển nhượng.

Tuy các hợp đồng chuyển nhượng ngày 05/3/2007 đã được hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H xác nhận, nhưng sau khi nhận chuyển nhượng của các cổ đông sáng lập nêu trên Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H cũng chưa làm thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 32 Nghị định 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh để ghi nhận tư cách sở hữu cổ phần của ông Lê Quốc N theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn thì hợp đồng chuyển nhượng của các bên ký theo hợp đồng mua bán cổ phiếu, cổ phần của các cổ đông sáng lập được tiến hành khi chưa đủ thời hạn chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật. Do đó hợp đồng mua bán cổ phần, cổ phiếu giữa bà Nguyễn Minh T , ông Trương Huy S , ông Nguyễn Quyết T , bà Nguyễn Thị Minh H , ông Nguyễn Hoàng Quân, bà Nguyễn Thị D , ông Nguyễn Quốc K , ông Nguyễn Hoàng A, bà Lê Hồng L , bà Giang Thị Thuý N với ông Lê Quốc N bị vô hiệu như bản án sơ thẩm nhận định là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do giao dịch giữa 10 cổ đông với ông Lê Quốc N theo các hợp đồng chuyển nhượng nêu trên là vô hiệu nên ông Lê Quốc N không có quyền sở hữu đối với 216.437,2 cổ phần và trở thành cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H . Khi giải quyết vụ án, Toà án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện này của ông Lê Quốc N là hoàn toàn phù hợp. Kháng cáo thứ nhất của ông N không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc huỷ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 17/HĐNT ngày 20/12/2007 giữa Công ty H với ông Nguyễn Anh C , ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P , HĐXX thấy: Như nhận định trên, Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Lê Quốc N với 10 cổ đông về việc chuyển nhượng 216.437,2 cổ phần là vô hiệu và ông N không có tư cách cổ đông sở hữu đối với số cổ phần

này. Hơn nữa, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 17/HĐNT ngày 20/12/2007 giữa Công ty H với ông Nguyễn Anh C , ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P là riêng biệt và không liên quan đến ông Lê Quốc N . Do đó việc Toà án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của ông Lê Quốc N là hoàn toàn phù hợp.

Việc ông Lê Quốc N kháng cáo về việc đề nghị bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp đối với 216.437,2 cổ phần tại Công ty H là không có căn cứ. Do đó HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông N .

Xác định lỗi dẫn đến hậu quả hợp đồng vô hiệu, HĐXX thấy: Tại thời điểm ký kết hợp đồng nguyên tắc số 03/HĐNT ngày 12/2/2007 thì ông Nguyễn Văn H là chủ tịch hội đồng quản trị và đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H . Ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ biết doanh nghiệp H thành lập khi nào và những quy định của pháp luật về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho cổ đông là người ngoài Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005. Ông Nguyễn Văn H thông qua chủ trương chuyển nhượng 100% vốn của các cổ đông sáng lập của Công ty cho người ngoài Công ty khi chưa đủ thời gian hạn chế chuyển nhượng khi chưa được đại hội đồng cổ đông thông qua (bằng nghị quyết) là trái quy định của pháp luật. Do đó ông Nguyễn Văn H là người có lỗi trực tiếp và phải chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh do hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên bị vô hiệu như nhận định của Tòa án sơ thẩm là đúng (hoàn toàn phù hợp với nhận định bản án phúc thẩm số 11/2012/KDTM-PT ngày 08/2/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã xét xử). Kháng cáo này của ông H không được chấp nhận.

Ông H nhận trách nhiệm giải quyết toàn bộ các tranh chấp với ông N thay cho Công ty H cũng như các cổ đông cũ của Công ty H là tự nguyện và đúng với các cam kết của Ông H với họ khi chuyển nhượng cổ phần của công ty.

Về xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: " Điều 137**.** Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu

...2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường".

- Đối với 10 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa 10 cổ đông với ông Lê Quốc N bị vô hiệu. Ông Lê Quốc N đã chuyển cho Công ty H số tiền 4.000.000.000 đồng. Trong số 4 tỷ này thì ông Lê Quốc N đã nhận lại số tiền 72.000.000 đồng. Quá trình giải quyết tại sơ thẩm, phúc thẩm thì ông Nguyễn Văn H khi đó là Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H đồng ý trả lại số tiền này cho ông Lê Quốc N là 4.000.000.000 đồng – 72.000.000 đồng = 3.928.000.000 đồng. Vì vậy cần buộc ông Nguyễn Văn H phải hoàn trả lại ông Lê Quốc N số tiền 3.928.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho ông N . Việc xác định thiệt hại trong vụ án này thì thấy rằng.

(Đối với ông Nguyễn Đình Trường S , ông Trần Xuân L đều không chuyển tiền vào Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H nên hậu quả đối với các giao dịch chuyển nhượng nêu trên chưa phát sinh nên hội đồng xét xử không xem xét).

- Ngày 27/10/2007 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Hưng Hải ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần số 17/HĐNT về việc bán toàn bộ 216.437,2 cổ phần (của ông N) với giá 7.000.000.000 đồng nhưng giao dịch không thành công. Số cổ phần còn lại theo hợp đồng mua bán số 18/HĐMB-CP ngày 27/10/2007 giữa các cổ đông còn lại với Công ty H trị giá 13 tỷ đồng. Như vậy là tại thời điểm tháng 10/2007 giá trị toàn bộ cổ phần của Công ty H là 20 tỷ đồng.

- Ngày 20/12/2007 Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H và ông Nguyễn Anh C , ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Kim P ký kết hợp đồng mua bán số 17/HĐNT về việc mua bán cổ phần, theo đó: Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H bán toàn bộ cổ phần của công ty với giá 40.000.000.000 đồng.

Như vậy, việc chuyển nhượng cổ phần nêu trên giữa các cổ đông Công ty H với các đối tác khác có sự thay đổi giá trị theo hướng đi lên. Trong quá trình giải quyết nguyên đơn không có đề nghị xác định giá trị cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H ở thời điểm hiện tại mà đề nghị xác định tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tháng 12/2007 là 40.000.000.000 đồng để giải quyết là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Sau nhiều lần trao đổi giữa ông N với Công ty H để giải quyết việc thanh toán hợp đồng ngày 05/3/2007. Đến ngày 22/01/2008, Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H có Thông báo về việc mời nhận tiền và trả lời đề xuất của ông Lê Quốc N đã xác định giá trị liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần ông N được hưởng là 8.204.044.000 đồng (bao gồm cả tiền được nhận khi hợp đồng vô hiệu và giá trị chênh lệch do cổ phần tăng giá). Ông N đã có giấy đề xuất thanh toán, nhất trí với đề nghị của HĐQT và đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Đình Dậu để thanh toán số tiền này. Như vậy, việc Toà án sơ thẩm xác định phần thiệt hại liên quan đến chuyển nhượng 216.437,2 cổ phần nêu trên của ông Lê Quốc N tất cả là 8.204.044.000 đồng (bao gồm cả 3.928.000.000 đồng) là có căn cứ.

Xét việc yêu cầu kháng cáo thứ hai của ông Lê Quốc N kháng cáo về việc phải xác định giá trị 216.437,2 cổ phần ông đã mua tương đương 29% của 40 tỷ (tương đương 11.600.000.000 đồng). Ông mua 216.437,2 cổ phần phải tương đương 29% của số tiền 40 tỷ đồng và không công nhận 02 ông Quang và Sơn là cổ đông của Công ty H (thời điểm năm 2007) thì thấy rằng biên bản họp bất thường toàn thể cổ đông ngày 26/5/2007 (BL286), tại biên bản họp toàn thể cổ đông ngày 06/11/2007 (BL 201), tại biên bản giao nhận hồ sơ ngày 06/11/2007 (BL 198) thì đều thể hiện ông Sơn, ông Quang là cổ đông của Công ty H và chính ông N cùng ký tên vào các văn bản này mà không có nội dung ông N không thừa nhận 02 ông Q, ông S không phải là cổ đông của Công ty H nên lời khai này của Ông H về số cổ phần khi đó là 897.000 cổ phần là đúng, phù hợp với bản đăng ký kinh doanh mà Công ty H được Sở kế hoạch đầu tư cấp ngay sau khi các cổ đông Công ty H chuyển nhượng cho 03 thể nhân là ông C, ông Tiến và bà P (BL 78).

Xét yêu cầu kháng cáo thứ nhất của Ông H cho rằng số tiền chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty H cho 03 người (là ông C, bà P , ông T1) được 40 tỷ phải chuyển trả công ty Hưng Hải 18 tỷ nhưng khi thanh toán cho các cổ đông thì ông quên chỉ trừ đi 06 tỷ nên bây giờ ông đề nghị tính lại và theo tính toán của ông thì ông N chỉ được 4.825.083.811 đồng.

Về vấn đề này thì thấy rằng ông C là đại diện 03 người mua có văn bản xác nhận ngày 08/8/2018 có nội dung là có chuyển khoản 18 tỷ về Công ty H1 tuy nhiên xác nhận này lại khác biên bản xác nhận ngày 08/1/2008 (BL 1227) giữa ông C đại diện bên mua và Ông H đại diện bên bán xác nhận việc thanh toán tiền mua cổ phần của Công ty H thì số tiền chuyển khoản ngày 20/12/2007 là 07 tỷ; ngày 27/12/2007 là 20 tỷ; ngày 08/1/2008 là 05 tỷ; số tiền mặt ngày 19/12/2007 là 02 tỷ; ngày 20/12/2007 là 06 tỷ và như vậy là không thể hiện ông C trả 18 tỷ cho Công ty Hưng Hải. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì có việc Công ty H1 và Công ty H ký kết hợp đồng hợp tác làm ăn, Công ty H có mặt bằng, Công ty Hưng Hải bỏ tiền ra để cùng xây dựng, kinh doanh. Khi Công ty H1 chuyển tiền vào tài khoản Công ty H thì Công ty H có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty H1 giữ để làm tin. Khi hai bên thống nhất chấm dứt liên doanh, liên kết thì Công ty H trả lại tiền cho Công ty H1 và Công ty H1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty H . Việc liên doanh liên kết và chấm dứt liên doanh liên kết không làm thay đổi giá trị Công ty H khi chuyển nhượng.

Mặt khác, việc quên số tiền trị giá 12 tỷ/40 tỷ là hơn ¼ giá trị Công ty khi chia (từ 2008 đến nay) là một điều không hợp lý. Do vậy kháng cáo này của Ông H không được chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo thứ hai của Ông H về khoản tiền phạt 2,6 tỷ do ôngNgọc đồng ý bán số cổ phần ông N đã mua (216.437,2 cổ phần) cho Công ty H1 sau đó lại thay đổi nên bị Công ty H1 phạt thì thấy rằng. Đúng là trong hợp đồng có thỏa thuận vậy và Ông H có xuất trình phiếu thu tiền phạt 2,6 tỷ của Công ty H . Tuy nhiên, theo cung cấp của đại diện theo pháp luật của Công ty Hưng Hải ngày 01/10/2010 tại Tòa án thì Công ty H1 không phạt Công ty H số tiền này. Do vậy kháng cáo này của Ông H không có căn cứ.

Nên ông Nguyễn Văn H kháng cáo về việc cho rằng số tiền ông N được hưởng là 4.825.683.811 đồng (chưa trừ khoản phạt 2,6 tỷ đồng) là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận mà phải xác định số tiền ông N được hưởng khi hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu là 8.204.044.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo thứ ba của ông H về lãi suất chậm trả thì thấy rằng. Do xác định nghĩa vụ trả tiền lại cho ông N là từ 22/1/2008 tại văn bản (BL 214) do Công ty H phát hành (ông Hoà là người ký) nên phải tính lãi suất chậm trả từ lúc đó, tuy nhiên đến ngày 12/4/2008 ông Dậu đại diện cho ông N mới đến lấy tiền nhưng ông H lúc đó lại yêu cầu trừ đi 2,6 tỷ đồng bị Công ty H1 phạt hợp đồng (mà thực tế sau đó chứng minh là không bị phạt) nên xác định thời điểm hưởng lãi của ông N là từ ngày 12/4/2008 tính đến khi xét xử sơ thẩm (Toà án sơ thẩm tính từ ngày 01/1/2008 là không đúng). Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 9%/năm phù hợp với Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 Toà án sơ thẩm áp dụng là đúng. Kháng cáo của ông H không chịu lãi không được chấp nhận.

Số tiền ông H phải chịu lãi là: 8.204.044.000đ x 9%/năm x 9 năm 8 tháng 20 ngày = 7.178.538.500đ.

Tổng cộng ông H phải trả cho ông N là: 8.204.044.000đ + 7.178.538.500đ = 15.382.582.500đ.

(Lưu ý: Toà án cấp sơ thẩm khi cộng 02 số tiền trên tại trang 14 bản án sơ thẩm đã cộng sai: 8.204.044.000đ + 7.383.639.000đ = 15.487.683.600đ. Con số cộng đúng phải là 15.587.683.000đ, cần rút kinh nghiệm).

Bởi phân tích trên, HĐXX thấy cần bác kháng cáo của ông Lê Quốc N và chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về lãi. Sửa một phần bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội về lãi.

Luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tương tự như kháng cáo và trình bày của nguyên đơn, HĐXX đã phân tích đánh giá ở trên nên không nêu lại.

Luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Ông H có 04 vấn đề thì tương tự kháng cáo của bị đơn, HĐXX đã phân tích nên không xem lại. Đối với vấn đề thứ 5 cho rằng yêu cầu phải trừ trong số 40 tỷ số tiền 18 tỷ chuyển trả công ty H1 và 2,6 tỷ Công ty H bị phạt do ông N vi phạm thì thấy rằng đây là quan điểm của Ông H và là đề nghị xác định giảm đi giá trị của Công ty H khi chuyển nhượng cho ông C chứ không phải là yêu cầu phản tố (đối trừ nghĩa vụ) của bị đơn và không có căn cứ nên luận cứ này không được chấp nhận.

Kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp một phần với nhận định của HĐXX.

[3]. Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; Án phí sơ thẩm phải sửa lại theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 3262016/NQ-UBTVQH của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và điểm b khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 30, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm b khoản 1 Điều 122; Điều 128; khoản 2 Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 5 Điều 84; Điều 96; Điều 103; Điều 104 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL- UBTVQH 12 ngày 27/02/2009:

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc N đối với Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H và ông Nguyễn Văn H về việc buộc Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H và ông Nguyễn Văn H phải hoàn tất thủ tục tại Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội để ông Lê Quốc N là cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư và xây

dựng H cũng như yêu cầu huỷ Hợp đồng chuyển nhượng 100% cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H với ông Nguyễn Anh C , ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Kim P .

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Lê Quốc N với 10 cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng H lập ngày 05/3/2007 là vô hiệu.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán trả cho ông Lê Quốc N số tiền là 15.382.582.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Lê Quốc N phải chịu 100.559.120 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số 59.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001718 ngày 15/4/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Từ Liêm (nay là quận Nam Từ Liêm) và số tiền 250.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008746 ngày 14/01/2009 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 7569 ngày 26/1/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Còn phải chịu 40.709.120 đồng.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 123.382.582 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được trừ 2.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 7564 ngày 25/1/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quân Nam Từ Liêm, còn phải chịu 121.382.582 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22/10/2019.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận Nam Từ Liêm;
- Chi Cục THADS quận Nam Từ Liêm;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Lưu HS, VP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Minh Thành